DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số: 47.2023 /QĐ -VPCNCL ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Thí nghiệm**

Laboratory: ***Laboratory***

Cơ quan chủ quản: **Công ty Cổ phần Khoáng sản Sông Bình**

Organization: ***Song Binh Minerals Joint Stock Company***

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**

Field of testing: ***Chemical***

Người quản lý/ *Laboratory manager:* **Phan Ngọc Hiệp**

Người có thẩm quyền ký/ *Approved signatory:*

TT	Họ và tên/ *Name*	Phạm vi được ký/ *Scope*
1.	**Dương Ngọc Quang**	Các phép thử được công nhận *Accredited tests*
2.	**Phan Ngọc Hiệp**	
3.	**Trần Quang Tuấn**	
4.	**Nguyễn Khánh Tân**	

Số hiệu/ *Code:* **VILAS 1479**

Hiệu lực công nhận/ *Period of Validation:* **30/01/2026**

Địa chỉ/ Address:

Lô B2, Đường D1, Khu công nghiệp chế biến tập trung khoáng sản Titan Sông Bình, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Địa điểm/*Location:*

Lô B2, Đường D1, Khu công nghiệp chế biến tập trung khoáng sản Titan Sông Bình, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại/ *Tel*: **(0252) 3 658 999** Fax: **(0252) 3 860 777**

E-mail: **khoangsansongbinh@rangdonggroup.com** Website: **khoangsansongbinh.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1479

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử *Test method*
1.	**Quặng Ilmenite** ***Ilmenite ores***	Xác định hàm lượng Titan đioxit (TiO_2) Phương pháp chuẩn độ *Determination of Titanium dioxide (TiO_2)* *Titrimetric method*	(30.0 ~ 99.0)%	TCVN 8911:2012
2.	**Quặng zircon và các sản phẩm bột zircon** ***Zircon sand and Zircon flour***	Xác định hàm lượng các oxit kim loại Phương pháp phân tích huỳnh quang tia X *Determination of some metal oxit content* *Method of X-ray Fluorescence analysis*	ZrO_2 (50.0 ~ 67.0)% HfO_2 (0.5 ~ 1.5)% Fe_2O_3 (0.1 ~ 1.0)% TiO_2 (0.01 ~ 1.0)% Al_2O_3 (0.1 ~ 2.5)% SiO_2 (30.0 ~ 40.0)% P_2O_5 (0.01 ~ 1.0)% Na_2O (0.01 ~ 1.0)% MgO (0.01 ~ 1.0)% K_2O (0.01 ~ 1.0)% CaO (0.01 ~ 1.0)% Cr_2O_3 (0.01 ~ 0.5)%	TCCS 01:2019
3.		Xác định hàm lượng Zircon đioxit (ZrO_2) Phương pháp chuẩn độ *Determination of Zirconium dioxide (ZrO_2)* *Titrimetric method*	ZrO_2 (50.0 ~ 67.0)%	TCCS 02:2019
4.	**Quặng sa khoáng và các sản phẩm bột zircon** ***Sandstone and Zircon flour***	Xác định kích thước hạt Phương pháp nhiễu xạ laser *Determination of particle size* *Method of laser diffraction*	(0.01 ~ 3500) μm	TCCS 03:2019
5.	**Quặng Rutile** ***Rutile ores***	Xác định hàm lượng Titan đioxit (TiO_2) Phương pháp chuẩn độ *Determination of Titanium dioxide (TiO_2)* *Titrimetric method*	(70.0 ~ 95.0)%	TCCS 04:2019

Ghi chú/*note*:

- TCCS: Phương pháp do phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese standard*